

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN ĐAK PƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 15/9/2021 của UBND thị trấn Đak Pơ về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2021 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn thị trấn Đak Pơ.

(Danh sách chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Số hộ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình được công nhận tại quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức Văn hoá - Xã hội phụ trách lĩnh vực Lao động Thương binh xã hội, Công chức Văn phòng - Thống kê, và các công chức cấp xã liên quan, Trưởng các TDP, làng và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy thị trấn;
- Thường trực HĐND thị trấn;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thị trấn;
- UBND huyện;
- Phòng LĐTBXH huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Thanh Phong

PHỤ LỤC

DANH SÁCH HỘ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP VÀ DIÊM NGHIỆP CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH ĐỊNH KỲ THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 03 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đak Pơ)

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (Nam, Nữ)	Ngày, tháng năm sinh	Địa chỉ (Ghi theo thứ tự làng)
1	TRẦN XUÂN HÙNG	Kinh	Nam	08/12/1977	TDP1
2	NGUYỄN VĂN CUNG	Kinh	Nam	1971	TDP1
3	NGUYỄN VĂN PHONG	Kinh	Nam	24/04/1969	TDP1
4	HUỶNH THỊ THANH	Kinh	Nữ	07/3/1973	TDP1
5	PHẠM THỊ NHÂM	Kinh	Nữ	01/06/1956	TDP1
6	NGUYỄN THỊ GIA	Kinh	Nữ	10/12/1977	TDP 1
7	NGUYỄN HỮU THẮNG	Kinh	Nam	20/3/1986	TDP 1
8	TRẦN THẾ KHÁ	Kinh	Nam	08/05/1981	TDP1
9	NGUYỄN THỊ NGA	Kinh	Nữ	24/07/1989	TDP1
10	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Kinh	Nữ	25/12/1966	TDP1
11	LÊ XUÂN KHÁNH	Kinh	Nam	04/06/1992	TDP1
12	ĐÌNH THỊ HƯỜNG	Bana	Nữ	22/8/1874	TDP1
13	BÙI THỊ HẢI	Kinh	Nữ	06/11/1985	TDP2
14	TRẦN NGUYỄN NHI	Kinh	Nam	18/01/1977	TDP2
15	LÊ THỊ VÂN	Kinh	Nữ	18/12/1955	TDP 2
16	NGUYỄN BÁ HẢI	Kinh	Nam	03/01/1958	TDP 2
17	NGUYỄN THỊ THÊU	Kinh	Nữ	18/07/1979	TDP2
18	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	Kinh	Nữ	11/03/1965	TDP2
19	HÀ THỊ MỸ NƯƠNG	Kinh	Nữ	10/09/1988	TDP2
20	VÕ HUY PHAN	Kinh	Nam	20/04/1974	TDP 2
21	NGUYỄN VĂN HÙNG	Kinh	Nam	23/10/1977	TDP2
22	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	Kinh	Nam	03/03/1994	TDP2
23	NGUYỄN PHƯƠNG HỮU	Kinh	Nam	31/12/1970	TDP2
24	LÊ THỊ HỒNG THU	Kinh	Nữ	15/04/1984	TDP2
25	NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ	Kinh	Nữ	10/08/1990	TDP2
26	NGUYỄN THỊ XUÂN PHƯỚC	Kinh	Nữ	10/11/1977	TDP2
27	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Kinh	Nam	27/10/1963	TDP2
28	NGUYỄN THỊ BÉ	Kinh	Nữ	14/3/1980	TDP 3
29	TRẦN THỊ LÀI	Kinh	Nữ	04/10/1964	TDP3
30	VÕ VĂN THẮNG	Kinh	Nam	01/05/1963	TDP 3
31	NGUYỄN NHƯ PHÚC	Kinh	Nam	23/04/1988	TDP 3

32	VĂN TẤN CU	Kinh	Nam	03/9/1974	TDP 3
33	TRẦN QUANG HÙNG	Kinh	Nam	17/6/1963	TDP 3
34	ĐÀM VĂN LUYNH	Kinh	Nam	06/12/1976	TDP 4
35	VÕ HỒNG GHI	Kinh	Nam	1974	TDP4
36	NGUYỄN VĂN TOÀN	Kinh	Nam	07/05/1982	TDP4